

Số: 913/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361; Điều 371; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thụ lý số 928/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Những người yêu cầu:

- Anh **Trần Hữu T**, sinh năm 1973; CCCD: 026073005399

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: **Số A L, phường H, thành phố Hà Nội.**

- Chị **Lý Thái H**, sinh năm 1977; CCCD: 001177043224

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: **Số I Y, phường B, thành phố Hà Nội.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Hữu T** và chị **Lý Thái H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là xã S, thành phố Hà Nội)**. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do không hợp nhau về tính cách, lối sống nên anh **T** và chị **H** cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Trần Hữu N**, sinh ngày 25/12/2002 và **Trần Bảo N1**, sinh ngày 19/12/2004.

Các con chung đều đã trưởng thành, có thể tự lo cho bản thân nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Anh chị cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh **T** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Hữu T** và chị **Lý Thái H**.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung:

Trần Hữu N, sinh ngày 25/12/2002

Trần Bảo N1, sinh ngày 19/12/2004

Các con chung đều đã trưởng thành nên việc sống cùng ai là tùy thuộc các cháu. Anh **T**, chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh **T**, chị **H** cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về công nợ chung: Anh **T**, chị **H** cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh **T** tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0015237 ngày 19/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Hà Nội;
- THADSTPHN;
- UBND xã Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiền Vinh